

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 32 thủ tục hành chính, Danh mục 122 thành phần hồ sơ phải số hóa của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 94/TTr-SGTVT ngày 28/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 32 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 122 thành phần hồ sơ phải số hóa của 32 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giao thông vận tải:

a) Cập nhật, công khai thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định; hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình công bố quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (nếu có), hoàn thiện quy trình điện tử theo quy định; đồng thời, xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa nêu tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; thực hiện việc số hóa khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

c) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Sửa đổi danh mục **27** thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ: **05** thủ tục hành chính số thứ tự 01, 03, 04, 05, 06, mục I phần A công bố tại Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang; **06** thủ tục hành chính số thứ tự 01, mục A và số thứ tự 06, 07, 08, 09, 10, mục B công bố tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang; **16** thủ tục hành chính số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, Mục B công bố tại Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

2. Thay thế Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa của 27 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ tại mục VI, phần A được công bố tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bru điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Lưu: VT, THCBKSMai.

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG (05 THỦ TỤC)						
1.	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 (mã TTHC: 1.000004)	3,5 ngày làm việc ¹ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;	X	X
2.	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động (mã TTHC: 1.004998)	07 ngày làm việc ² , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	X	X

¹ Cắt giảm 30% thời gian giải quyết (từ 05 ngày làm việc xuống 3,5 ngày làm việc)

² Cắt giảm 30% thời gian giải quyết (từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc)

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
3.	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (mã TTHC: 1.010709)	01 ngày làm việc ³ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	X	X
4.	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (mã TTHC: 1.010708)	01 ngày làm việc ⁴ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không		X	X
5.	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia (mã TTHC: 1.010710)	01 ngày làm việc ⁵ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không		X	X

³ Cắt giảm 50% thời gian giải quyết (từ 02 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc)

⁴ Cắt giảm 50% thời gian giải quyết (từ 02 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc)

⁵ Cắt giảm 50% thời gian giải quyết (từ 02 ngày làm việc xuống 01 ngày làm việc)

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI (27 THỦ TỤC)							
6.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (mã TTHC: 1.001765)	Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 12,5 giờ làm việc ⁶ , kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Công DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	X	X
7.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (mã TTHC: 1.004993)	Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 12,5 giờ làm việc ⁷ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Không		X	X
8.	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô (mã TTHC: 1.001777)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc ⁸ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không		X	X

⁶ Cắt giảm 47,9% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc (24 giờ làm việc) còn 12,5 giờ làm việc

⁷ Cắt giảm 47,9% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc (24 giờ làm việc) còn 12,5 giờ làm việc

⁸ Cắt giảm 40% thời gian giải quyết, từ 10 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
9.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo (mã TTHC: 1.001623)	05 ngày làm việc ⁹ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	x	x
10.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác (mã TTHC: 1.005210)	12,5 giờ làm việc ¹⁰ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không		x	x
11.	Cấp Giấy phép xe tập lái (mã TTHC: 1.001735)	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không		x	x
12.	Cấp lại Giấy phép xe tập lái (mã TTHC: 1.001751)	01 ngày làm việc ¹¹ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không		x	x

⁹ Cắt giảm 37,5% thời gian giải quyết, từ 08 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc

¹⁰ Cắt giảm 47,9% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc (24 giờ làm việc) còn 12,5 giờ làm việc

¹¹ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động (mã TTHC: 1.004987)	<p>- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc¹² kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.</p> <p>- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc¹³</p>	<p>1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</p>	Không	<p>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe</p>	x	x

¹² Cắt giảm 30% thời gian giải quyết, từ 10 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc

¹³ Cắt giảm 33,3% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
14.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (mã TTHC: 1.000703)	03 ngày làm việc ¹⁴ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		Không		x	x
15.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng (mã TTHC: 2.002286)	03 ngày làm việc ¹⁵ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	x	x
16.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hông (mã TTHC: 2.002287)	02 ngày làm việc ¹⁶ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		Không		x	x

¹⁴ Cắt giảm 40% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 03 ngày làm việc

¹⁵ Cắt giảm 40% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 03 ngày làm việc

¹⁶ Cắt giảm 33,3% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
17.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyên, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (mã TTHC: 2.002288)	11 giờ làm việc ¹⁷ , kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	x	x

¹⁷ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
18.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyên, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (mã TTHC: 2.002289)	11 giờ làm việc ¹⁸ , kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	X	X

¹⁸ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
19.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (mã TTHC: 1.010707)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ¹⁹ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang <i>(Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải)</i> hoặc	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	X	X
20.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (mã TTHC: 1.001737)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²⁰ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không		X	X
21.	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (mã TTHC: 1.002861)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²¹ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		X	X

¹⁹ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

²⁰ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

²¹ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
22.	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (mã TTHC: 1.002859)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²² , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang <i>(Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải)</i> hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	x	x
23.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (mã TTHC: 1.002856)	Trong thời hạn 01 ngày làm việc ²³ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		x	x
24.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (mã TTHC: 1.002852)	Trong thời hạn 01 ngày làm việc ²⁴ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không		x	x
25.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (mã TTHC: 1.002063)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²⁵ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không		x	x

²² Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

²³ Giảm 50% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc 01 ngày làm việc

²⁴ Giảm 50% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc 01 ngày làm việc

²⁵ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
26.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (mã TTHC: 1.001577)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²⁶ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Cổng DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	x	x
27.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (mã TTHC: 1.002286)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²⁷ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không		x	x
28.	Đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (mã TTHC: 1.002268)	Trong thời hạn 11 giờ làm việc ²⁸ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không		x	x

²⁶ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

²⁷ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

²⁸ Giảm 31,25% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 11 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI
29.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (mã TTHC: 1.001023)	6,5 giờ làm việc ²⁹ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không		x	x
30.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (mã TTHC: 1.010711)	01 ngày làm việc ³⁰ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	1. Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 2. Trực tuyến: Công DVC tỉnh: https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;	x	x
31.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (mã TTHC: 1.002877)	01 ngày làm việc ³¹ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không	- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	x	x
32.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (mã TTHC: 1.002869)	01 ngày làm việc ³² kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		Không		x	x

²⁹ Giảm 59,37% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc (16 giờ làm việc) còn 6,5 giờ làm việc

³⁰ Giảm 50% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc 01 ngày làm việc

³¹ Giảm 50% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc 01 ngày làm việc

³² Giảm 50% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc 01 ngày làm việc./.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 122 THÀNH PHẦN HỒ SƠ CỦA 32 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THỰC HIỆN SỐ HÓA
THEO THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP NGÀY 05/4/2023 CỦA BỘ TRƯỞNG,
CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG (05 THỦ TỤC)
1	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2
1	Văn bản đề nghị;
2	Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (<i>có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ</i>) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (<i>có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên</i>) (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>);
3	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;
4	Giấy phép xây dựng (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>);
5	Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.
2	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động
1	Văn bản đề nghị.
3	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
1	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.
2	Thông báo khai thác tuyến;
3	Ký hiệu phân biệt quốc gia;
4	Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.
4	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
1	Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
4	Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (<i>bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu</i>).
5	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia
1	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI (27 THỦ TỤC)
1	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
*	Cá nhân:
1	Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
2	Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>);
3	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>);
4	01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. Trường hợp Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.
*	Cơ sở đào tạo
1	Văn bản theo mẫu quy định;
2	Hồ sơ cá nhân.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
*	Trường hợp bị mất, bị hỏng
1	Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
2	01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng
*	Trường hợp có sự thay đổi về nội dung:
1	Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
2	01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
*	Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:
1	Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (<i>có chứng thực hợp pháp</i>) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên;
2	Thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân. (<i>Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử</i>)
3	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô
1	Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
2	Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>);
3	Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>);
4	Giấy đăng ký xe (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>). Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử
4	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo (<i>chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất</i>)
1	Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;
2	Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>);
3	Giấy đăng ký xe (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính</i>). Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.
5	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi
6	Cấp Giấy phép xe tập lái
1	Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;
2	Giấy đăng ký xe (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>).
7	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
1	Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;
2	Giấy đăng ký xe (<i>bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>).
8	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
*	Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.
*	Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận:
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.
9	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
*	Đối với phương tiện thương mại:
1	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (<i>đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia</i>).
*	<i>Đối với phương tiện phi thương mại gồm:</i>
1	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
3	Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.
10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
*	<i>Đối với phương tiện thương mại:</i>
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (<i>đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia</i>).
*	<i>Đối với phương tiện phi thương mại gồm:</i>
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
3	Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.
*	<i>Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:</i>
1	Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
2	Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
11	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
	* Đối với phương tiện thương mại:
1	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (<i>đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</i>).
	* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:
1	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
2	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (<i>bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu</i>);
3	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (<i>bản sao có chứng thực</i>).
12	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
	* Đối với phương tiện thương mại:
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (<i>đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</i>).
	* Đối với phương tiện phi thương mại:
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
2	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (<i>bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu</i>). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (<i>bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu</i>);
3	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (<i>bản sao có chứng thực</i>).

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
	* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:
1	Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
2	Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.
13	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
	* Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải.
1	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
2	Bản sao văn bản, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
3	Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (<i>áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử</i>).
	* Đối với hộ kinh doanh vận tải.
1	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
14	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
	* Cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh
1	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;
2	Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (<i>việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó</i>).
	* Cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải)
1	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
2	Bản sao văn bản, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
3	Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (<i>áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử</i>);
4	Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.
	* Cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với hộ kinh doanh vận tải).
1	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa	
	3	Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.
15	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
	1	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định.
16	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (<i>kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải</i>)	
	1	Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
	2	Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.
17	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (<i>kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải</i>)	
	1	Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định.
	2	Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.
18	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
	1	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
	2	Giấy phép liên vận ASEAN (<i>bản chính</i>).
19	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	
	1	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
	2	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (<i>bản chính</i>).
20	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
	1	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;
	2	Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.
21	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
	1	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu
	2	Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa
22	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
*	<i>Đối với phương tiện thương mại gồm:</i>
1	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (<i>đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào</i>).
*	<i>Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:</i>
1	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.
3	Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác)
4	Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).
23	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
*	<i>Đối với phương tiện thương mại gồm:</i>
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
3	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (<i>đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào</i>).
*	<i>Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào</i>
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa	
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;	
3	Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (<i>đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác</i>);	
4	Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (<i>đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào</i>).	
*	Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:	
1	Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại	
2	Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.	
24	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
1	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	
2	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).	
25	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	
1	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	
2	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (<i>bản chính</i>).	
26	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	
1	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;	
2	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (<i>bản chính</i>).	
27	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
1	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;	
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;	
3	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;	
4	Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (<i>bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu</i>).	